

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
Về việc Ly hôn, con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân,

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Thái S; Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Liên H; Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Thái S trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị Liên H trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 5, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung vợ chồng luôn nghi ngờ không tin tưởng nhau nên dẫn đến thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi mắng nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau không còn quan tâm nhau. Nay Đỗ Thái S khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Vũ Thị Liên H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị Liên H.

Về con chung: Anh Đỗ Thái S trình bày vợ chồng anh có 03 con chung tên:

Đỗ Thành N, sinh ngày 07/01/1998; Đỗ Mai L, sinh ngày 24/9/2001 và Đỗ Thùy L, sinh ngày 24/9/2001, khi ly con chung tên Đỗ Thành N đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai con chung tên Đỗ Mai L và Đỗ Thùy L vì điều kiện công việc anh làm nghề tàu biển thường xuyên vắng nhà nên cũng không có điều kiện chăm sóc các con được chu đáo, mặt khác hai con cũng đã lớn và đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ để ổn định nên anh S đồng ý để hai con tiếp tục sống cùng chị Vũ Thị Liên H cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để anh và chị Vũ Thị Liên H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Thái S trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng sau này để lại cho các con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị Liên H vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai tại Tòa án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thái S kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1997, sau khi cưới vợ chồng ăn ở tại thôn 5, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng trong cuộc sống gia đình anh S ham chơi bời, cờ bạc chị đã khuyên bảo nhiều lần vợ chồng đã bần bạc rất nhiều lần, bản thân chị H là vợ anh S và là mẹ của các con anh S cũng đã hy sinh khuyên bảo anh S rất nhiều nhưng anh S không nghe mà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quan điểm của chị H mong muốn anh S suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con trưởng thành chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Vũ Thị Liên H trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Thành N, sinh năm 1997; Đỗ Mai L, sinh năm 2001 và Đỗ Thùy L, sinh năm 2001, anh S yêu cầu ly hôn chị H không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không đồng ý ly hôn nên cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng, nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Liên H trình bày vợ chồng có tài sản chung, chị H không đồng ý ly hôn nên không có ý quan điểm trình bày về tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị Liên H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Vũ Thị Liên H vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Thái S.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Đỗ Thái S vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Vũ Thị Liên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là

anh Đỗ Thái S tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự; Về quan hệ nhân: Cho anh Đỗ Thái S được ly hôn chị Vũ Thị Liên H; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 02 con chung tên Đỗ Mai L, sinh ngày 24/9/2001 và Đỗ Thùy L, sinh ngày 24/9/ 2001 cho chị Vũ Thị Liên H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề anh và chị Vũ Thị Liên H tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Nguyên đơn anh Đỗ Thái S không yêu cầu, chị Vũ Thị Liên H không đồng ý ly hôn và không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của các con; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thái S; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Đỗ Thái S vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Vũ Thị Liên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Thái S và chị Vũ Thị Liên H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng nên dần đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn nên vợ chồng anh S và chị Oanh đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Đỗ Thái S khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Vũ Thị Liên H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị Vũ Thị Liên H, bị đơn chị Vũ Thị Liên H mong muốn anh S suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung chị H không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Vũ Thị Liên H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày thêm về yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Thái S. Tài liệu chứng cứ thể hiện chị Vũ Thị Liên H vẫn sinh sống và làm việc bình thường tại địa phương cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thái S, cho anh Đỗ Thái S được ly hôn chị Vũ Thị Liên H.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Thái S và chị Vũ Thị Liên H có 03 con chung tên: Đỗ Thành N, sinh ngày 07/01/1998; Đỗ Mai L, sinh ngày 24/9/2001 và Đỗ Thùy L, sinh ngày 24/9/2001, khi ly con chung tên Đỗ Thành N đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai con chung tên

Đỗ Mai L và Đỗ Thùy L anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, bị đơn chị Vũ Thị Liên H không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm trình bày về con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Xét về khả năng và điều kiện nuôi con chung của anh Đỗ Thái S và chị Vũ Thị Liên H là như nhau, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu chứng cứ, thể hiện: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Vũ Thị Liên H và hai con chung tên Đỗ Mai L và Đỗ Thùy L đến Tòa án trình bày quan điểm nguyện vọng, song hai con chung tên Đỗ Mai L và Đỗ Thùy L không đến Tòa và cũng không có bất kỳ văn bản nào gửi đến Tòa án để trình bày quan điểm, mặt khác anh Đỗ Thái S làm nghề tàu biển thường xuyên vắng nhà nên các con chung đều do chị Vũ Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt mọi mặt, anh Đỗ Thái S đồng ý tự nguyện giao hai con chung cho chị Vũ Thị Liên H nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cả hai con chung tên Đỗ Mai L, sinh ngày 24/9/2001 và Đỗ Thùy L, sinh ngày 24/9/2001, cho chị Vũ Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Thái S trình bày về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đề anh và chị Vũ Thị Liên H tự thỏa thuận giải quyết, chị Vũ Thị Liên H vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Đỗ Thái S trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, bị đơn chị Vũ Thị Liên H vắng mặt không có quan điểm trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Đỗ Thái S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Thái S được ly hôn chị Vũ Thị Liên H.
2. Về con chung: Giao hai con chung tên Đỗ Mai L, sinh ngày 24/9/2001 và Đỗ Thùy L, sinh ngày 24/9/2001, cho chị Vũ Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Thái S phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000314, ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Đỗ Thái S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ S, huyện T, TP H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ
NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ S, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND Tp H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

